

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001015

Trang : 1/3

Môn học: **Viết thương mại (224356) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **A201**

Số SV có mặt: **42**

Số bài thi: **42**

Số tờ giấy thi: **42**

Cán bộ coi thi 1 <i>Trần Thị Huyền</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Trần Thị Mỹ Hồng</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>P. V. M. C.</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Trần Thị Mỹ Hồng</i>
---	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120240090	TRẦN LÊ HOÀNG ANH	22/09/2002	CCQ2024D		01	<i>anh</i>	8.3	86	8.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2120240031	NGUYỄN HỒNG ÂN	01/01/2001	CCQ2024B		01	<i>an</i>	5.0	52	5.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2119240202	PHẠM THỊ HỒNG DUYÊN	10/06/2001	CCQ1924H		01	<i>Thuy</i>	5.4	73	6.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2120240231	VÕ HUỲNH KIỀU DUYÊN	25/06/1996	CCQ2024H		01	<i>Thuy</i>	8.6	81	8.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2119240170	VÕ TẤN ĐAI	05/01/2001	CCQ1924G		01	<i>Đai</i>	6.0	40	4.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
6	2120240096	NGUYỄN HOÀNG HẢI ĐĂNG	17/09/2002	CCQ2024D		01	<i>Đai</i>	6.6	53	6.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2120240152	NGUYỄN THỊ KIM DIỆP	22/09/2002	CCQ2024F		01	<i>Thuy</i>	9.6	90	9.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2120240233	NGUYỄN THỊ HẠNH	04/12/1999	CCQ2024H		01	<i>anh</i>	8.3	69	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2119240093	ĐINH THỊ HỒNG HẢO	17/06/2001	CCQ1924D		01	<i>anh</i>	5.0	69	6.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2120240098	NGUYỄN THỊ NHƯ HẢO	25/08/2002	CCQ2024D		01	<i>Hao</i>	8.1	66	7.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2119240095	NGÔ TRẦN BẢO HÂN	30/04/2001	CCQ1924D		01	<i>Han</i>	5.7	81	7.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2120240234	DƯƠNG THÙY HIỀN	01/02/2001	CCQ2024H		01	<i>Thuy</i>	8.3	76	7.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
13	2119240342	CHÂU THỊ THÚY HOA	05/07/2000	CCQ1924B		01	<i>Hoa</i>	8.0	71	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2120240236	HOÀNG THỊ HUỆ	10/01/2002	CCQ2024H		01	<i>Hue</i>	9.3	80	8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2120240040	NGUYỄN THỊ HUYỀN	16/06/2001	CCQ2024B		01	<i>Huyen</i>	8.9	82	8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2120240041	TRẦN THỊ THÚY HUYỀN	02/01/2002	CCQ2024B		01	<i>Huyen</i>	4.5	52	4.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
17	2120240192	LÂM THỊ HƯƠNG	30/03/2002	CCQ2024G		01	<i>Hue</i>	4.9	43	4.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2120240106	TRẦN NGUYỄN HOÀNG LINH	01/09/2002	CCQ2024D		01	<i>anh</i>	7.3	87	8.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2120240048	HOÀNG THUY TUYẾT MAI	20/12/2002	CCQ2024B		01	<i>Huyen</i>	3.9	11	2.2	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2120240008	LÊ THỊ KIM NGÂN	14/08/1998	CCQ2024A		01	<i>anh</i>	9.8	74	8.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 16/04/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001015

Trang : 2/3

Môn học: **Viết thương mại (224356) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **A201**

Số SV có mặt: **42**

Số bài thi: **42**

Số tờ giấy thi: **42**

Cán bộ coi thi 1 <i>Trần Thị Hiền</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Trần Thị Hiền</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>P. V. Mui</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Trần Thị Hiền</i>
--	--	---------------------------------------	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120240242	PHẠM THU NGÂN	19/11/2002	CCQ2024H		01	<i>Thu Ngân</i>	5.3	70	6.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2120240010	VŨ MINH	24/02/2001	CCQ2024A		01	<i>Minh Vũ</i>	5.3	55	5.4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2120240012	ĐỖ THỊ	04/12/2001	CCQ2024A		01	<i>Thị Đỗ</i>	4.1	38	3.9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2119240013	TRẦN THẢO	07/07/2001	CCQ1924A		01	<i>Thảo Trần</i>	7.9	61	6.8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2120240111	MÃ THỊ PHÚ	27/03/2001	CCQ2024D		01	<i>Phú Mã</i>	8.7	76	8.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2120240015	PHẠM THỊ KIM	03/02/2001	CCQ2024A		01	<i>Kim Phạm</i>	6.8	60	6.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2119240017	TRẦN THỊ KIỀU	30/11/2001	CCQ1924A		01	<i>Kiều Trần</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2120240245	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	18/11/2002	CCQ2024H		01	<i>Như Nguyễn</i>	6.4	92	8.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2120240247	NGUYỄN THỤY THẢO	04/09/2002	CCQ2024H		01	<i>Thảo Nguyễn</i>	9.7	90	9.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2120240051	TRẦN VĂN	14/05/2001	CCQ2024B		01	<i>Văn Trần</i>	8.1	81	8.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2120110303	NÔNG QUANG	06/12/2002	CCQ2024H		01	<i>Quang Nông</i>	8.9	89	8.9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2120240248	ĐÌNH VÕ THIÊN	20/07/2001	CCQ2024H		01	<i>Thiên Võ</i>	6.5	67	6.6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2120240021	HỒ THỊ KIM	01/10/2002	CCQ2024A		01	<i>Kim Hồ</i>	6.1	34	4.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2120240115	NGUYỄN THỊ THANH	20/02/2002	CCQ2024D		01	<i>Thanh Nguyễn</i>	4.2	37	3.9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2120240053	CAO THỊ ANH	19/02/2002	CCQ2024B		01	<i>Anh Cao</i>	7.1	72	7.2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2120240211	PHAN NỮ THÚY	15/02/2002	CCQ2024C		01	<i>Thúy Phan</i>	9.3	87	8.9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2119240047	NGUYỄN ĐỨC	01/03/2001	CCQ1924B		01	<i>Đức Nguyễn</i>	7.1	50	5.8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2120240082	HỒ THỊ THÙY	04/09/2002	CCQ2024C		01	<i>Thùy Hồ</i>	9.5	90	9.2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2120240170	LÊ THỊ THÙY	13/05/2002	CCQ2024F		01	<i>Thùy Lê</i>	6.9	71	7.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2120240251	TRẦN THIÊN	10/07/2001	CCQ2024H		01	<i>Thiên Trần</i>	8.6	87	8.7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001015

Trang : 3/3

Môn học: **Viết thương mại (224356) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **A201**

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 42

Số tờ giấy thi: 42

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120240118	TRẦN THỊ THÚY TRIỀU	24/05/2002	CCQ2024D		01		5.7	88	76	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	2120240057	TRẦN THỊ DIỆU VI	30/11/2002	CCQ2024B		01		6.5	37	48	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
43	2120240060	ĐẶNG NGỌC XUÂN	20/04/2000	CCQ2024B		01		6.6	60	62	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001016

Trang : 1/3

Môn học: **Viết thương mại (224356) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **A206**

Số SV có mặt: **38**

Số bài thi: **38**

Số tờ giấy thi: **38**

Cán bộ coi thi 1 <i>Ung</i> Vũ Tuấn Anh	Cán bộ coi thi 2 <i>anh</i> Nguyễn Thị Ngọc Anh	G.Viên chấm thi 1 <i>anh</i> Ths. Trần Thị Ngọc Anh	G.Viên chấm thi 2 <i>anh</i> Phạm Văn Mạnh
---	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120220005	NGUYỄN TRUNG ÁI	18/03/2000	CCQ2024G		1	<i>AI</i>	85	78	81	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
2	2120240230	ĐỖ THỊ LAN	23/05/2002	CCQ2024H		1	<i>LAN</i>	98	82	88	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
3	2120240229	NGUYỄN KIM	03/08/2002	CCQ2024H		1	<i>KIM</i>	85	49	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2119260283	NGUYỄN TRÂM	10/02/2001	CCQ1924J		1	<i>TRAM</i>	73	76	75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2120240188	TRẦN CHÂU	04/11/2002	CCQ2024G		1	<i>CHAU</i>	79	77	78	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
6	2120240232	NGUYỄN THỊ HOÀI	16/10/1999	CCQ2024H		1	<i>HOAI</i>	97	87	91	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2120240034	VÕ BÍCH	25/07/2002	CCQ2024B		1	<i>BICH</i>	69	42	53	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2120240222	LÝ TRƯỜNG	22/11/1999	CCQ2024G		1	<i>TRUONG</i>	78	72	74	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2120240005	DƯƠNG THỊ THÚY	06/02/2002	CCQ2024A		1	<i>THUY</i>	92	78	84	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2120240036	NGUYỄN THỊ NGỌC	13/10/2002	CCQ2024B		1	<i>NGOC</i>	64	78	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2120240235	NGUYỄN THỊ	04/06/2002	CCQ2024H		1	<i>THI</i>	82	64	71	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2120050046	HỒ HOÀNG	12/02/2002	CCQ2024G		1	<i>HOANG</i>	65	36	48	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
13	2120240238	TRỊNH ANH	05/11/2002	CCQ2024H		1	<i>ANH</i>	99	84	90	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2120100220	NGUYỄN THỊ KIỀU	21/06/2002	CCQ2024G		1	<i>KIEU</i>	69	64	66	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2120240194	TRẦN HOÀNG MINH	08/08/2002	CCQ2024G		1	<i>MINH</i>	76	83	80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2120240241	NGUYỄN THỊ TRÀ	28/10/2002	CCQ2024H		1	<i>TRA</i>	95	78	85	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2120240223	ĐỖ THỊ TUYẾT	07/09/2002	CCQ2024G		1	<i>TUOYET</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2120240243	NGUYỄN HOÀNG YẾN	18/09/2002	CCQ2024H		1	<i>YEN</i>	60	60	60	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2120240195	TRẦN CAO QUỲNH	25/01/2000	CCQ2024G		1	<i>QUYNH</i>	55	19	33	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2120240049	LÊ THỊ KIM	16/07/2002	CCQ2024B		1	<i>KIM</i>	80	50	62	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001016

Trang : 2/3

Môn học: **Viết thương mại (224356) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

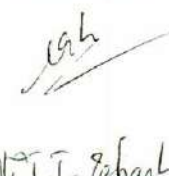
Giờ: **07:30**

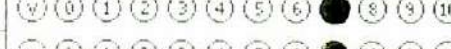
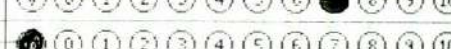
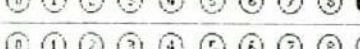
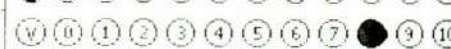
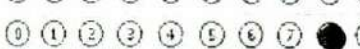
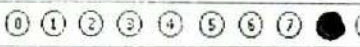
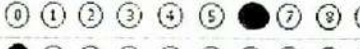
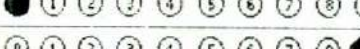
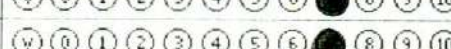
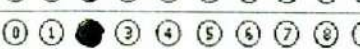
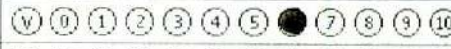
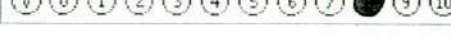
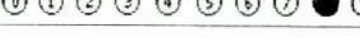
Phòng thi: **A206**

Số SV có mặt: **38**

Số bài thi: **38**

Số tờ giấy thi: **38**

Cán bộ coi thi 1  Vi. Tuấn Anh N.T.T. Zaharh	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1  ThS. Trần Thị Di Hương	Viên chấm thi 2  Phạm Văn Mạnh
---	---	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120240244	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG OANH	29/10/2002	CCQ2024H		1		74	49	59		
22	2120110340	NGÔ HÀ THÁI	13/05/2002	CCQ2024G		1		67	69	68		
23	2120240050	NGUYỄN THỊ BÍCH	01/01/2001	CCQ2024B		1		78	75	76		
24	2120240224	NGUYỄN THỊ THANH	05/09/2002	CCQ2024G		1		80	78	79		
25	2120100351	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	CCQ2024H								
26	2120240197	TRẦN THỊ NHƯ	18/05/2002	CCQ2024G		1		89	88	88		
27	2120240022	VÕ THỊ NGỌC	02/12/2002	CCQ2024A		1		74	64	68		
28	2120240226	PHẠM THỊ THU	07/09/2002	CCQ2024G		1		80	40	56		
29	2120240227	HOÀNG NGUYỄN ANH	03/03/2002	CCQ2024G		1		50	17	30		
30	2120240250	TRẦN HUỲNH	02/04/2002	CCQ2024H		1		97	83	89		
31	2120240198	ĐÌNH THỊ HOÀI	14/09/2002	CCQ2024G		1		61	31	43		
32	2120240200	HÀ GIA QUẾ	13/12/2002	CCQ2024G		1		53	39	45		
33	2120240199	HUỲNH THỊ MỸ	16/12/2002	CCQ2024G		1		78	72	74		
34	2120240228	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	CCQ2024G								
35	2120240201	LÊ THỊ BẢO	30/05/2002	CCQ2024G		1		76	66	70		
36	2120240252	TRẦN QUỲNH BẢO	09/10/2002	CCQ2024H		1		70	74	72		
37	2120240202	PHẠM VĂN	31/05/2002	CCQ2024G		1		56	50	52		
38	2120240253	HỨA NHẬT PHƯƠNG	18/05/2002	CCQ2024H		1		64	65	65		
39	2120240254	NGUYỄN NGỌC ÁNH	10/08/2002	CCQ2024H		1		69	57	58		
40	2120240255	ĐÀO NHẬT	02/02/2002	CCQ2024H		1		97	82	88		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001016

Trang : 3/3

Môn học: **Viết thương mại (224356) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **A206**

Số SV có mặt: ...38...

Số bài thi:38.....

Số tờ giấy thi: ...38...

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i> Vu Trần Anh	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i> T.T. Thanh	G.Viên chấm thi 1 <i>[Signature]</i> Ths. Trần Thị Di Hương	G.Viên chấm thi 2 <i>[Signature]</i> Phạm Văn Thanh
---	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120240256	LÊ THỊ THANH XUÂN	01/09/2002	CCQ2024H		1	<i>[Signature]</i>	98	74	84	(w) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi